

Số 1235/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 752032002
(ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 7520320)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 10/KMT-MĐC ngày 16/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Môi trường về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *HC*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTDH (09)



PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

*(Kèm theo Quyết định số 1235 /QĐ-MĐC ngày 19 tháng 3, năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. PGS.TS Phan Quang Văn | Trưởng bộ môn Kỹ thuật môi trường, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Nguyễn Hoàng Nam | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thư ký. |
| 3. TS. Đào Đình Thuần | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |
| 4. ThS. Đặng Thị Ngọc Thủy | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |
| 5. TS. Nguyễn Thị Hòa | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |
| 6. ThS. Nguyễn Thị Hồng | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |
| 7. ThS. Đào Trung Thành | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |
| 8. ThS. Trần Thị Ngọc | Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên |

Tổng số: 08 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA MÔI TRƯỜNG

Số: 10/MĐC-MT-KTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số /MĐC-ĐTDH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Kỹ thuật môi trường về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 752032002 (ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 7520320).

Bộ môn Kỹ thuật môi trường đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

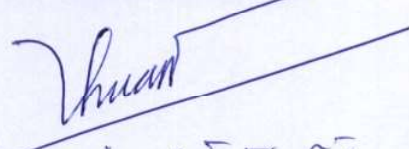
1. PGS.TS. Phan Quang Văn
2. TS. Nguyễn Hoàng Nam
3. TS. Đào Đình Thuận
4. ThS. Đặng Thị Ngọc Thủy
5. TS. Nguyễn Thị Hòa

Trưởng bộ môn Kỹ thuật môi trường, Tổ trưởng.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thư ký.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.

6. ThS. Nguyễn Thị Hồng
7. ThS. Đào Trung Thành
8. ThS. Trần Thị Ngọc
Trân trọng ./.

Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.
Bộ môn Kỹ thuật môi trường, Thành viên.

p. Hội đồng khoa học
Khoa Môi trường


Trần Đình Thuận.

Bộ môn Kỹ thuật môi trường


Phạm Quang Văn

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Kỹ thuật môi trường- Mã số: 752032002 (ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 7520320)

Ngày 25/4/2018 vào lúc 8h30, Bộ môn Kỹ thuật môi trường đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường - Mã số 752032002 (ngành: Kỹ thuật môi trường - Mã số 7520320). Thành phần tham dự:

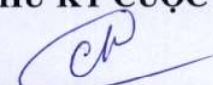
- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (ngành Kỹ thuật môi trường)
- Chủ trì cuộc họp: PGS.TS. Phan Quang Văn - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát.....)
- Thư ký: TS Nguyễn Hoàng Nam (Thư ký tổ công tác rà soát.....)

NỘI DUNG:

1. PGS.TS. Phan Quang Văn - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. PGS.TS. Phan Quang Văn thay mặt Bộ môn Kỹ thuật môi trường trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - 3.1. TS. Đào Đình Thuận
 - 3.2. ThS. Nguyễn Thị Hòa
 - 3.3. TS. Nguyễn Thị Hồng
 - 3.4. ThS. Đào Trung Thành
 - 3.5. ThS. Trần Thị Ngọc
- * Các thành viên khác: Về cơ bản đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.
4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.
5. PGS.TS. Phan Quang Văn tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường:

Cuộc họp kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP


TS. Nguyễn Hoàng Nam

CHỦ TRÌ


PGS.TS. Phan Quang Văn

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày 27/4/2018, Khoa (Bộ môn) Kỹ thuật môi trường đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành/ ngành: Kỹ thuật môi trường

Thành phần tham dự:

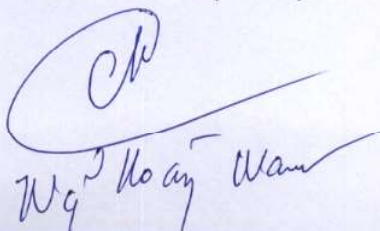
- Thành viên Hội đồng khoa học Khoa Môi trường
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: PGS.TS. Phan Quang Văn.;
- Thư ký: TS. Nguyễn Hoàng Nam

NỘI DUNG:

1. PGS.TS. Phan Quang Văn chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. TS Nguyễn Hoàng Nam thay mặt Khoa/Bộ môn Kỹ thuật môi trường trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường; các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT ở trình độ Đại học chuyên ngành/ngành: Kỹ thuật môi trường
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018
 - PGS.TS. Đỗ Văn Bình hoàn toàn nhất trí về việc điều chỉnh chương trình đào tạo
4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.
5. PGS.TS. Phan Quang Văn (chủ trì cuộc họp) tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.


THƯ KÝ CUỘC HỌP


Nguyễn Hoàng Nam

CHỦ TRÌ


Phan Quang Văn

**BIÊN BẢN HỢP HÒI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra chuyên ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 752032002
(Ngành Kỹ thuật môi trường - Mã số: 7520320)**

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 9h ngày 16 tháng 4 năm 2018
- Địa điểm: Văn phòng Bộ môn, phòng F202, trường Đại học Mở - Địa chất.

II. Thành phần

Chủ tọa: PGS.TS. Phan Quang Văn – Trưởng Bộ môn Kỹ thuật môi trường

Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền

Toàn thể cán bộ của Bộ môn, có mặt 9/10 (Vắng ThS. Nguyễn Phương Đông đang NCS tại CHLB Nga)

III. Nội dung cuộc họp

Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 05 năm, chuyên ngành kỹ thuật môi trường của Khoa Môi trường

1. Tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo 5 năm, hệ chính quy tập trung chuyên ngành Kỹ thuật môi trường, mã số: 7520320

2. Ý kiến của các thành viên trong Bộ môn

- PGS.TS. Phan Quang Văn, Chủ tọa cuộc họp phát biểu

Nhất trí với nội dung chương trình và kế hoạch học tập chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (ngành Kỹ thuật môi trường), đã và đang đào tạo được 2 khóa tốt nghiệp đại học.. Nội dung chương trình hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **TS. Đào Đình Thuần, Phó trưởng Khoa Môi trường, Giảng viên của Bộ môn phát biểu**

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (ngành Kỹ thuật môi trường) đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về dung lượng kiến thức và phù hợp với thực tiễn, trong quá trình xây dựng đã chú trọng đến khối lượng tín chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục, đáp ứng yêu cầu nhu cầu thực tiễn của người học.

Nhất trí thông qua chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường - Bộ môn Kỹ thuật môi trường đã xây dựng, chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh

- TS. Nguyễn Hoàng Nam – Phó trưởng Bộ môn phát biểu

Đồng ý và hoàn toàn nhất trí với nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường – Bộ môn Kỹ thuật môi trường đã xây dựng, chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh vì mới đào tạo được 2 khóa sinh viên chuyên ngành.

- ThS. Đặng Thị Ngọc Thủy, Giảng viên của Bộ môn phát biểu

Đồng ý với nội dung bộ môn Kỹ thuật môi trường xây dựng trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường, chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh.

- ThS. Đào Trung Thành, Giảng viên của Bộ môn phát biểu

Chương trình đào tạo của Bộ môn Kỹ thuật môi trường đảm bảo đúng quy định về hình thức trình bày của Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và lượng kiến thức trong chương trình đào tạo Kỹ thuật môi trường được thiết kế logic, khoa học và chặt chẽ đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo. Nhất trí chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh.

- ThS. Nguyễn Thị Hòa – Bí thư liên chi Khoa môi trường, giảng viên Bộ môn phát biểu

Nội dung chương trình có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo của Nhà trường. Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự đầu tư nghiên cứu sâu, rộng nên rất toàn diện và đầy đủ. Hiện Bộ môn mới đào tạo được 2 khóa sinh viên, chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh.

- ThS. Nguyễn Thị Hồng - Giảng viên của Bộ môn phát biểu

Chương trình đào tạo của Bộ môn được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, phù hợp với quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình mới sử dụng đào tạo được 2 khóa, chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh.

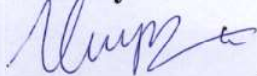
IV. Kết luận chung

Chương trình và kế hoạch đào tạo của chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (ngành Kỹ thuật môi trường) phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu cơ bản theo khung chương trình của Bộ Giáo dục và đào tạo. Tập thể Bộ môn nhất trí chưa cần chỉnh sửa, điều chỉnh.

Nhất trí thông qua và kính chuyển Hội đồng Khoa học Khoa và Trường.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày

Thư ký



ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền

Chủ tọa



PGS.TS. Phan Quang Văn

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường Ngành Kỹ thuật môi trường Trình độ: Kỹ sư

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng.....đến tháng.....Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Kỹ thuật môi trường đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật môi trường, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1				

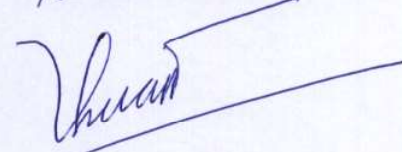
2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1					

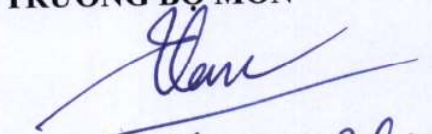
3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Nêu nội dung chỉnh sửa về mục tiêu đào tạo	Nêu lý do	Nêu căn cứ	Nêu tên tài liệu, trích dẫn, website liên quan....(nếu có)

P. TRƯỞNG KHOA


Đào Đình Thuận

TRƯỞNG BỘ MÔN


Phan Quang Văn

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường (ngành Kỹ thuật môi trường) Trình độ: Kỹ sư

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn: Kỹ thuật môi trường báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế: Theo kịp xu hướng đào tạo so với các trường trong nước cũng như Quốc tế

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn: nên bổ sung thêm các học phần thí nghiệm và thực hành theo chuyên ngành

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo.

2. Đề cương chi tiết học phần (tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)

- Về mục tiêu của học phần.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần.

- Tài liệu tham khảo.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường: phù hợp với mục tiêu của Nhà trường.

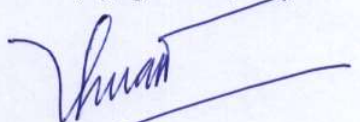
- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động: Đáp ứng được nhu cầu đào tạo nhân lực có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có kiến thức tổng hợp về ngành Kỹ thuật môi trường, có trình độ chuyên môn và khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-ngề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

Phần III. Kiến nghị

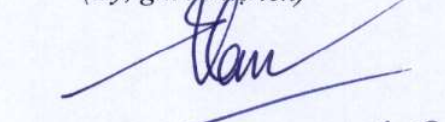
P. **TRƯỞNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đỗ Đình Thuận

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Văn

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018

CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẠC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	160		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	160	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	51		Kiến thức giáo dục đại cương	51	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh 1	3	4010601	Tiếng Anh 1	3	
6	4010602	Tiếng Anh 2	3	4010602	Tiếng Anh 2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	4020103	Pháp luật đại cương	2	
13	4010101	Đại số	3	4010101	Đại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4	4010102	Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + Thí nghiệm	3	4010201	Vật lý đại cương A1 + Thí nghiệm	3	
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + Thí nghiệm	3	4010202	Vật lý đại cương A2 + Thí nghiệm	3	
18	4010301	Hoá học đại cương phần 1 + Thí nghiệm	3	4010301	Hoá học đại cương phần 1 + Thí nghiệm	3	
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho Kỹ thuật)	3	4080201	Tin học đại cương (dùng cho Kỹ thuật)	3	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
20	4010307	Cân bằng pha và hóa keo +TN	3	4010307	Cân bằng pha và hóa keo +TN	3	
21	4010105	Xác suất thống kê	2	4010105	Xác suất thống kê	2	
22	4010305	Hoá phân tích phần 1 + TN	3	4010305	Hoá phân tích phần 1 + TN	3	
23	4010501	Cơ học lý thuyết 1	2	4010501	Cơ học lý thuyết 1	2	
24	4010116	Lý thuyết hệ thống	2	4010116	Lý thuyết hệ thống	2	

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẮC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	160		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	160	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	30		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	30	
25	4110106	Sinh thái học môi trường	3	4110106	Sinh thái học môi trường	3	
26	4110101	Hóa học môi trường + TN	4 (2+1)	4110101	Hóa học môi trường +TN	3 (2+1)	
27	4110107	Ví hoá sinh môi trường + Thí nghiệm	4 (3+1)	4110107	Ví hoá sinh môi trường + Thí nghiệm	4 (3+1)	
28	4110103	Quá trình thủy lực trong CN MT	2	4110103	Quá trình thủy lực trong CN MT	2	
29	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong CN MT	2	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong CN MT	2	
30	4110105	Quá trình chuyển khối trong CN MT	3	4110105	Quá trình chuyển khối trong CN MT	3	
31	4110109	Luật và chính sách môi trường	2	4110109	Luật và chính sách môi trường	2	
32	4110108	Độc học môi trường	2	4110108	Độc học môi trường	2	
33	4110102	Phân tích môi trường	2	4110102	Phân tích môi trường	2	
36	4110309	Tiếng Anh chuyên ngành	3	4110309	Tiếng Anh chuyên ngành	3	
III		Kiến thức giáo dục chuyên ngành	110		Kiến thức giáo dục chuyên ngành	95	
III.1		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	28		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	26	
III.1.1		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	11		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	11	
34	4010406	Hình họa + vẽ kỹ thuật	3	4010406	Hình họa + vẽ kỹ thuật	3	
35	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	2	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	2	
36	4030225	Cơ sở khai thác mỏ (hầm lò+lộ thiên)	2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ (hầm lò+lộ thiên)	2	
37	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	
38	4110112	Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường	2	4110112	Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường	2	
III.1.2		Kiến thức chuyên ngành	33		Kiến thức chuyên ngành	34	
39	4110206	Kỹ thuật xử lý nước và nước thải	3	4110206	Kỹ thuật xử lý nước và nước thải	3	
40	4110207	Kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn	3	4110207	Kiểm soát ô nhiễm khí - tiếng ồn	3	
41	4110301	Quản lý chất thải rắn	2	4110301	Quản lý chất thải rắn	2	
42	4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	2	4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	2	
43	4110209	Quản lý môi trường	2	4110209	Quản lý môi trường	2	
44	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	3	4110210	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	3	
45	4110302	Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường	2	4110302	Ứng dụng tin học trong kỹ thuật môi trường	2	
46	4110211	Kinh tế môi trường	2	4110211	Kinh tế môi trường	2	
47	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	2	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	2	

STT BAC	Mã MH	Tên MH	TC	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	160		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	160	
48	4110304	Tự động hoá và dụng cụ đo chất lượng môi trường	2	4110304	Tự động hoá và dụng cụ đo chất lượng môi trường	2	
49	4110305	Công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn trong công nghiệp mỏ + BTL	3 (2+1)	4110305	Công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn trong công nghiệp và dân dụng + BTL	3 (2+1)	Thay đổi
50	4110306	Kiểm soát sự cố và rủi ro chất thải quảng đuôi trong khai thác mỏ lộ thiên + BTL	3 (2+1)	4110306	Kiểm soát sự cố và rủi ro chất thải quảng đuôi trong khai thác khoáng sản + BTL	3 (2+1)	Thay đổi
51	4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	3 (2+1)	4110307	Công nghệ môi trường trong công nghiệp dầu khí + BTL	3 (2+1)	
52	4110308	Thực tập thí nghiệm kỹ thuật môi trường mỏ	2	4110308	Thực tập thí nghiệm kỹ thuật môi trường	2	Thay đổi
53							
III.1.3		Kỹ thuật môi trường trong công nghiệp mỏ	8		Kỹ thuật môi trường công nghiệp	8	Thay đổi
54	4110310	Kỹ thuật xử lý nước thải công nghiệp mỏ	2	4110310	Kỹ thuật xử lý nước thải công nghiệp	2	Thay đổi
55	4110311	Quản lý khí độc hại trong khai thác mỏ hầm lò và xây dựng công trình ngầm	2	4110311	Quản lý khí độc hại trong công trình ngầm	2	
56	4110312	Kỹ thuật cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ	2	4110312	Kỹ thuật cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ	2	
57	4110313	Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong kỹ thuật đầu mỏ và khí đốt	2	4110313	Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong kỹ thuật đầu mỏ và khí đốt	2	
58	4110314	Quản lý môi trường trong khai thác dầu khí	2	4110314	Quản lý môi trường trong khai thác dầu khí	2	
59	4110315	Hệ thống quản lý nước thải mỏ	2	4110315	Hệ thống quản lý nước thải	2	
60	4110316	Kỹ thuật an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong khai thác mỏ	2	4110316	Kỹ thuật an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong khai thác khoáng sản	2	Thay đổi
III.1.4		Kỹ thuật môi trường trong công nghiệp và dân dụng	8		Kỹ thuật môi trường dân dụng	8	Thay đổi
61	4110317	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2	4110317	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2	
62	4110318	Ứng dụng hóa học trong kỹ thuật xử lý nước và nước thải	2	4110318	Ứng dụng hóa học trong kỹ thuật xử lý nước và nước thải	2	
63	4110319	Thiết kế Wetland cho xử lý nước thải	2	4110319	Thiết kế Wetland cho xử lý nước thải	2	
64	4110320	Công cụ mô hình hóa trong môi trường đất	2	4110320	Công cụ mô hình hóa trong môi trường đất	2	
65	4110321	Thiết kế mạng lưới thoát nước	2	4110321	Thiết kế mạng lưới thoát nước	2	
66	4110322	Kiểm soát tai biến và rủi ro sạt lở bờ dốc	2	4110322	Kiểm soát tai biến và rủi ro sạt lở bờ dốc	2	
67	4110323	Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất thải rắn	2	4110323	Kỹ thuật xử lý và tái sử dụng chất thải rắn	2	
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	8		Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	8	

STT BẬC	Mã MH	Tên MH CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	TC	Mã MH	Tên MH CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	TC	Nội dung thay đổi
68	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	2	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	2	
69	4110113	Phương pháp toán xử lý tài liệu địa môi trường	2	4110113	Phương pháp toán xử lý tài liệu địa môi trường	2	
70	4110226	Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ	2	4110226	Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ	2	
71	4110324	Kỹ thuật năng lượng tái tạo đại cương	2	4110324	Kỹ thuật năng lượng tái tạo đại cương	2	
72	4110325	Nguyên lý khí hoá than và phương pháp khí hoá than trong lòng đất	2	4110325	Năng lượng và môi trường	2	
73	4110122	Công nghệ nano trong môi trường	2	4110122	Công nghệ nano trong môi trường	2	
74	4110117	Đánh giá rủi ro tai biến thiên nhiên	2	4110117	Đánh giá rủi ro tai biến thiên nhiên	2	
75	4110220	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	4110220	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	
76	4110218	Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước	2	4110218	Quản lý và phát triển sinh thái tài nguyên nước	2	
77	4110326	Công nghệ Wetland xử lý nước thải mỏ	2	4110326	Công nghệ Wetland xử lý nước thải	2	Thay đổi
78	4110327	Luật và chính sách bảo vệ môi trường trong khai thác dầu khí	2	4110327	Luật và chính sách bảo vệ môi trường trong khai thác dầu khí	2	
79	4110116	Công nghệ GIS trong quản lý môi trường	2	4110116	Công nghệ GIS trong quản lý môi trường	2	
80	4110118	Môi trường phóng xạ	2	4110118	Môi trường phóng xạ	2	
81	4110235	Các quá trình vật lý trong kỹ thuật môi trường	2	4110235	Các quá trình vật lý trong kỹ thuật môi trường	2	
82	4110231	Các quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	2	4110231	Các quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	2	
83	4110232	Địa hoá sinh thái môi trường	2	4110232	Địa hoá sinh thái môi trường	2	
84	4110328	Kỹ thuật xử lý đuôi quặng và chất thải rắn trong khai thác mỏ	2	4110328	Kỹ thuật xử lý đuôi quặng và chất thải rắn trong khai thác mỏ	2	
85	4110329	Kiểm soát khí độc hại trong khai thác mỏ than hầm lò	2	4110329	Quản lý chất thải trong công nghiệp thực phẩm	2	
86	4110123	Đánh giá môi trường chiến lược	2	4110123	Đánh giá môi trường chiến lược	2	
87	4110124	Tai biến địa chất	2	4110124	Tai biến địa chất	2	
III.3		Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường	8		Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường	8	
88	4000001*	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	4000001*	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
89	4000002*	Tâm lý học đại cương	2	4000002*	Tâm lý học đại cương	2	
90	4000003*	Tiếng Việt thực hành	2	4000003*	Tiếng Việt thực hành	2	
91	4000004*	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	4000004*	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
92	4000005*	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	4000005*	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	
93	4000006*	Kỹ năng tư duy phê phán	2	4000006*	Kỹ năng tư duy phê phán	2	

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẮC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	160		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	160	
94	4020104*	Lịch sử Triết học	2	4020104*	Lịch sử Triết học	2	
95	4010403	Autocad	2	4010403	Autocad	2	
96	4010603	Tiếng Anh 3	2	4010603	Tiếng Anh 3	2	
97	4010604	Tiếng Anh 4	2	4010604	Tiếng Anh 4	2	
98	4010605	Tiếng Nga 1	2	4010605	Tiếng Nga 1	2	
99	4010606	Tiếng Nga 2	2	4010606	Tiếng Nga 2	2	
100	4010607	Tiếng Trung 1	2	4010607	Tiếng Trung 1	2	
101	4010608	Tiếng Trung 2	2	4010608	Tiếng Trung 2	2	
102	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	
103	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	
104	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	
105	4040101	Địa chất đại cương	3	4040101	Địa chất đại cương	3	
106	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	
107	4040517	Cơ sở Địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3	4040517	Cơ sở Địa chất công trình- Địa chất thủy văn	3	
108	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành trắc địa) +BTL	3	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành trắc địa) +BTL	3	
109	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	
110	4050302	Cơ sở viễn thám	2	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
111	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	
112	4050510	Trắc địa phổ thông + TT	3	4050510	Trắc địa phổ thông + TT	3	
113	4060101	Địa vật lý đại cương + TT	3	4060101	Địa vật lý đại cương + TT	3	
114	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	
115	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	
116	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	
117	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	
118	4070401	Nguyên lý kế toán	3	4070401	Nguyên lý kế toán	3	
119	4080153	Thiết kế Website	2	4080153	Thiết kế Website	2	
120	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	
121	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	
122	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	
123	4110130	Địa y học	2	4110130	Địa y học	2	
124	4110236	Môi trường và con người	2	4110236	Môi trường và con người	2	
125	4110333	Cơ sở kỹ thuật môi trường	2	4110333	Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp đại cương	2	

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẬC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	160		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	160	
IV		Thực tập tốt nghiệp	7		Thực tập tốt nghiệp	7	
126	4110330	Thực tập sản xuất	3	4110330	Thực tập sản xuất	3	
127	4110331	Thực tập tốt nghiệp	4	4110331	Thực tập tốt nghiệp	4	
V		Đồ án tốt nghiệp	7		Đồ án tốt nghiệp	7	
127	4110332	Đồ án tốt nghiệp	7	4110332	Đồ án tốt nghiệp	7	

BỘ MÔN

Phạm Dương Văn

P. KHOA

Đào Đình Thuận

HIỆU TRƯỞNG

LM